

Số: 111/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 111/2022/QĐ-ST ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Chị Trương Thị S**, sinh ngày: 07/5/1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, đề nghị giải quyết vắng mặt

- Người yêu cầu: **Anh Nguyễn Phi T**, sinh ngày: 07/5/1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay đang lao động tại Trung Quốc, đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo nội dung Đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:

Chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Theo sổ đăng ký số 28, ngày 20/8/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại xã T, huyện T và có 02 con chung. Năm 2018, anh Nguyễn Phi T đi lao động tại Trung Quốc. Từ đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng nhau dẫn đến không còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2018, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trương Thị S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Phi T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trương Minh Q, sinh ngày: 16/9/2008 và Nguyễn Trương Minh K, sinh ngày: 12/8/2017. Vợ chồng thống nhất giao con chung Nguyễn Trương Minh Q cho anh Tiến trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Trương Minh K cho chị Sâm trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Anh Tiến, chị Sâm thống nhất thỏa thuận: Giao quyền sử dụng hợp pháp các tài sản trên cho anh Nguyễn Phi Tiến, sau này anh Tiến giao lại cho các con. Chị Trương Thị S không còn liên quan đến tài sản này.

Về nợ chung: Vợ chồng có một số khoản nợ chung. Anh Tiến có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung đứng tên hai vợ chồng. Còn nợ riêng của ai người đó tự trả.

Chị Trương Thị S, anh Nguyễn Phi T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; yêu cầu ghi nhận nội dung thỏa thuận trên của vợ chồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân gia đình, thông qua em gái là chị Nguyễn Thị Lý, anh Nguyễn Phi T đã thể hiện quan điểm liên quan đến nội dung chị Trương Thị S khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung chị Trương Thị S trình bày trong đơn khởi kiện. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ thời điểm anh Tiến đi lao động tại Trung Quốc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nên không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, anh Nguyễn Phi T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh Nguyễn Phi T, chị Trương Thị S thống nhất giao con chung Nguyễn Trương Minh Q, sinh ngày: 16/9/2008 cho anh Tiến trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Trương Minh K, sinh ngày: 12/8/2017 cho chị Sâm trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Anh Tiến, chị Sâm thống nhất thỏa thuận: Giao quyền sử dụng hợp pháp các tài sản trên cho anh Nguyễn Phi T, sau này anh Tiến giao lại cho các con. Chị Trương Thị S không còn liên quan đến tài sản này. Về nợ chung: Vợ chồng có một số khoản nợ chung. Anh Tiến có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung đứng tên hai vợ chồng. Còn nợ riêng của ai người đó tự trả. Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; yêu cầu ghi nhận nội dung thỏa thuận trên của vợ chồng.

Do điều kiện đi lại khó khăn, anh Nguyễn Phi T không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Trung Quốc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng cho em gái là chị Nguyễn Thị Lý, địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn

nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trương Minh Q, sinh ngày: 16/9/2008 cho anh Nguyễn Phi T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Trương Minh K, sinh ngày: 12/8/2017 cho chị Trương Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Giao quyền sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh Tiến, chị Sâm cho anh Nguyễn Phi T, sau này anh Tiến giao lại cho các con. (Chị Trương Thị S không còn liên quan đến tài sản này). Về nợ chung: Anh Nguyễn Phi T có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung đứng tên hai vợ chồng, còn nợ riêng của ai người đó tự trả; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quá trình đi lao động tại Trung Quốc, anh Tiến đi theo xe ô tô lên cửa khẩu Lạng Sơn và đi đường bộ sang Trung Quốc – không thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh. Hiện nay, anh Tiến đang làm việc cho Công ty sản xuất túi xách ở Trung Quốc và chuyển tiền về Việt Nam bằng hình thức chuyển khoản qua hệ thống chuyển tiền Wchat ở Trung Quốc, phương thức chuyển qua tài khoản của người chuyên môi giới chuyển đổi tiền (ngoại hối) rồi họ chuyển về tài khoản của chị Nguyễn Thị Lý. Tại văn bản số 81/UBND ngày 10/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã T cũng thể hiện “anh Nguyễn Phi T đang đi làm ăn tại Trung Quốc”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, anh Nguyễn Phi T trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của chị Trương Thị S, không tranh chấp. Do công việc, anh Tiến không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu

cho em gái là chị Nguyễn Thị Lý. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Phi T thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Chị Trương Thị S có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số về việc vụ việc không hòa giải được là đúng quy định pháp luật.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Nguyễn Phi T và chị Trương Thị S được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Mậu thuận phát sinh khi anh Nguyễn Phi T đi làm việc tại Trung Quốc, vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm, ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Sâm, anh Tiến như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận

thuận tình ly hôn của chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T: Giao con chung Nguyễn Trương Minh Q, sinh ngày: 16/9/2008 cho anh Nguyễn Phi T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Trương Minh K, sinh ngày: 12/8/2017 cho chị Trương Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung tính từ ngày quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Giao quyền sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh Tiến, chị Sâm cho anh Nguyễn Phi T, sau này anh Tiến giao lại cho các con. (Chị Trương Thị S không còn liên quan đến tài sản này).

[2.4] Về nợ chung: Vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Phi T có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung đứng tên hai vợ chồng. Còn nợ riêng của ai người đó tự trả.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung của các đương sự.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Trương Thị S, sinh ngày: 07/5/1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn Phi T, sinh ngày: 07/5/1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay đang lao động tại Trung Quốc.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T: Giao con chung Nguyễn Trương Minh Q, sinh ngày: 16/9/2008 cho anh Nguyễn Phi T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Trương Minh K, sinh ngày: 12/8/2017 cho chị Trương Thị S trực tiếp nuôi

dưỡng. Trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung tính từ ngày quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Chị Trương Thị S và anh Nguyễn Phi T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao quyền sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng anh Tiến, chị Sâm cho anh Nguyễn Phi T, sau này anh Tiến giao lại cho các con. (Chị Trương Thị S không còn liên quan đến tài sản này).

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Nguyễn Phi T có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung đứng tên hai vợ chồng. Còn nợ riêng của ai người đó tự trả.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của chị Trương Thị S theo biên lai số 0000273 ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Thương Huyền